TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 8 – 2025
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Khánh Huy –Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Trung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025, về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Huỳnh Thị T**; Sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, xã C, thành phố Cần Thơ - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: **Huỳnh Văn H**; Sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, xã C, thành phố Cần Thơ - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Huỳnh Văn H tự nguyện tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2007, ông bà chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đi đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2020 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, bà T và ông H sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn, nên bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà và ông H không phải là vợ chồng; Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông H không có con chung, bà T không yêu cầu gì; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông H có tài sản chung và có nợ chung, nhưng tự thỏa thuận, bà T không có yêu cầu gì.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2025, bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông H thống nhất với lời trình bày của bà T về hôn nhân, con chung, nợ chung. Về tài sản chung, thì ông H và bà T có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận. Ông H có ý kiến đối với các yêu cầu của bà T: Về hôn nhân, ông H đồng ý yêu cầu của bà T, tuyên bố quan hệ giữa ông và bà T không phải là vợ chồng; Về con chung: không có, ông H không yêu cầu gì. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thị T và ông Huỳnh Văn H là vợ chồng; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì; đề nghị buộc nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, bị đơn ông Huỳnh Văn H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Huỳnh Văn H có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào tháng 11/2007, trên tinh thần tự nguyện của ông bà, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống,

nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, kéo dài đến tháng 01/2020 thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà và ông H không phải là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 11/2007, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 8 năm 2024 của bà T, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bà T và ông H, bà T và ông H đều có yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H không phải là vợ chồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố không công nhận bà T và ông H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà T và ông H xác định không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H đều không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Ông H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Huỳnh Thị T và ông Huỳnh Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình, nhưng bà T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001052 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ). Như vậy, bà T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Huỳnh Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T và ông Huỳnh Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Mỹ Xuyên